

Số: 1325 /QĐ-UBND

Xã Nguyễn Lương Bằng, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của xã Nguyễn Lương Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Nguyễn Lương Bằng (chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành; Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công xã;
- Công Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Trọng Thước

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1325 /QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán UBND thành phố giao		Dự toán HĐND xã giao	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	405.201	270.819	405.201	270.819
I	Thu nội địa	236.800	102.418	236.800	102.418
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)				
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		-		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	30.100	16.254	30.100	16.254
5	Thuế thu nhập cá nhân				
6	Thuế bảo vệ môi trường				
7	Lệ phí trước bạ	11.700	7.850	11.700	7.850
8	Thu phí, lệ phí	180	180	180	180
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	510	510	510	510
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.130	852	2.130	852
12	Thu tiền sử dụng đất	189.680	74.672	189.680	74.672
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
16	Thu khác ngân sách	500	100	500	100
17	Thu từ quỹ đất công ích, HLCS khác	2.000	2.000	2.000	2.000
II	Thu viện trợ				
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang				
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	168.401,0	168.401,0	168.401,0	168.401,0
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	167.321,0	167.321,0	167.321,0	167.321,0
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.080,0	1.080,0	1.080,0	1.080,0

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1325 /QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND thành phố giao	Dự toán HĐND xã giao
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	270.819	270.819
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	74.672	74.672
	Trong đó:		
I	Chi đầu tư phát triển	74.672	74.672
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	
	Trong đó:		
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
1.2	Chi khoa học và công nghệ		
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình		
1.4	Chi văn hóa thông tin		
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
1.6	Chi thể dục thể thao		
1.7	Chi bảo vệ môi trường		
1.8	Chi các hoạt động kinh tế		
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		
1.10	Chi bảo đảm xã hội		
1.11	Chi an ninh		
1.12	Chi quốc phòng		
II	Chi thường xuyên	190.837	190.837
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	105.284	105.284
2	Chi khoa học và công nghệ	390	390
3	Chi y tế, dân số và gia đình	5.280	5.280
4	Chi văn hóa thông tin	4.756	4.756
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300	300
6	Chi thể dục thể thao	355	355
7	Chi bảo vệ môi trường	1.172	1.172
8	Chi các hoạt động kinh tế	11.792	11.792
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29.783	29.783
10	Chi bảo đảm xã hội	26.486	26.486
11	Chi thường xuyên khác	949	949
12	Chi an ninh	1.710	1.710

13	Chi quốc phòng	2.580	2.580
III	Dự phòng ngân sách	5.310	5.310
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
B	Chi viện trợ		

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Kèm theo Quyết định số 1325 /QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND xã giao	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	270.819,0	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	102.418,0	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	6.790	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	95.628,0	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	168.401,0	
-	Thu bổ sung cân đối	167.321,0	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080,0	
III	Thu kết dư	-	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	270.819,0	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	270.819,0	
1	Chi đầu tư phát triển	74.672,0	
2	Chi thường xuyên	190.837,0	
3	Dự phòng ngân sách	5.310,0	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ	-	
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu	-	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	

Phụ lục 04

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1325 /QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ ATXH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐÀM XÃ HỘI	SỰ NGHIỆP KHÁC	DỰ PHÒNG
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	SỰ NGHIỆP KHÁC				
A	B	1=1+2+...+18+19	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15	16	17	19
	TỔNG SỐ	270.819	105.284	390	2.580	1.710	5.280	4.756	300	355	1.172	11.792	2.278	1.514	1.000	29.783	26.486	949	5.310
I	Chi đầu tư	74.672																	
II	Chi thường xuyên	190.837	105.284	390	2.580	1.710	5.280	4.756	300	355	1.172	11.792	2.278	1.514	1.000	29.783	26.486	949	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	8.834														8.834			
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	11.859			2.536	1.680										7.643			
3	Phòng Kinh tế xã	6.942									1.055	3.302	1.350	1.052	900	1.867	718		
4	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	28.983	725	357			180	180				-				2.023	25.518		
5	Trạm y tế xã	5.013					5.013					-							

